

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2024

“ Về việc ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Phạm Thiện Bửu

Ông Bùi Minh Châu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Bích P**, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: **Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Phi P1**, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị **Trương Thị Bích P** trình bày: Năm 2019, chị kết hôn với anh **Nguyễn Văn Phi P1**, hôn nhân do tự tìm hiểu. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là phường A, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, chị và anh P1 có với nhau 01 người con. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung thường nảy sinh mâu thuẫn, tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung, ban đầu là những tranh cãi nhỏ nhặt, có thể bỏ qua được, dần dần, mâu thuẫn ngày càng nhiều, tranh cãi thường xuyên, từ đó, tình cảm dần không còn, cuộc sống

chung không mang lại hạnh phúc như mong muốn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh **P1** đã cố gắng hàn gắn chung sống vì con nhưng không được nên chị và anh **P1** sống ly thân nhau. Nay nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Văn Phi P1**. Về con chung: có 01 con chung tên **Nguyễn Phi T**, sinh ngày 01/11/2019. Hiện nay cháu **Phi T** đang sống cùng anh **P1**, chị thống nhất giao con cho anh **P1** tiếp tục nuôi dưỡng, chị không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do anh **P1** không yêu cầu. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị thống nhất nộp theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn anh **Nguyễn Văn Phi P1** trình bày tại bản khai ngày 05/6/2024: Năm 2019, anh kết hôn với **P**. Sau khi kết hôn, chung sống ban đầu có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây anh và chị **P** thường mâu thuẫn, có hàn gắn mấy cũng không được nữa, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất ly hôn với chị **Trương Thị Bích P**;

- Về con chung: Anh và chị **Trương Thị Bích P** có 01 con chung tên **Nguyễn Phi T**, sinh ngày 01/11/2019; Hiện nay cháu **Phi T** đang sống cùng anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu **P** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trương Thị Bích P** với anh **Nguyễn Văn Phi P1**.

- Về con chung: Anh **Nguyễn Văn Phi P1** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Phi T**, sinh ngày 01/11/2019, chị **Trương Thị Bích P** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **P1** không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Chị Trương Thị Bích P khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Phi P1 được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Bích P có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Phi P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét việc nguyên đơn chị Trương Thị Bích P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Phi P1, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân: Năm 2019, chị Trương Thị Bích P kết hôn với anh Nguyễn Văn Phi P1, hôn nhân tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình nên hôn nhân giữa chị P và anh P1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy chị P trình bày trong quá trình chung sống với nhau ban đầu có hạnh phúc, thời gian sau thì nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, nên từ đó tình cảm đã dần không còn, bất đồng quan điểm sống mà không thể hàn gắn được nên chị P anh P1 đã không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh P1, anh P1 cũng xác định tại bản khai ngày 05/6/2024 là năm 2019, anh kết hôn với chị P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ban đầu có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây anh và chị P thường mâu thuẫn, có hàn gắn mấy cũng không được nữa, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh thống nhất ly hôn với chị Trương Thị Bích P.

Tuy nhiên anh Nguyễn Văn Phi P1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh P1 chỉ gửi văn bản ý kiến mà không đến Tòa án để tham gia hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay anh P1 cũng vắng mặt không lý do.

Từ những cơ sở trên xét thấy hôn nhân giữa chị Trương Thị Bích P với anh Nguyễn Văn Phi P1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trương Thị Bích P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Phi P1, anh P1 có văn bản ý kiến thống nhất ly hôn với chị P. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Bích P với anh Nguyễn Văn Phi P1.

- Về con chung: Chị Trương Thị Bích P và anh Nguyễn Văn Phi P1 có 01 con chung tên Nguyễn Phi T, sinh ngày 01/11/2019 (con chung đang sống cùng anh P1). Hiện nay do anh P1 đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phi T1, sinh ngày 01/11/2019. Chị P thống nhất giao con chung cho anh P1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn Phi P1 không yêu cầu chị Trương Thị Bích P thực

hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nên chị **Trương Thị Bích P** không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh **Nguyễn Văn Phi P1** cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh chị **Trương Thị Bích P** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát **thành phố H** là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị **Trương Thị Bích P** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trương Thị Bích P** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Phi P1**.

- Về con chung: Anh **Nguyễn Văn Phi P1** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Phi T**, sinh ngày 01/11/2019, chị **Trương Thị Bích P** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **P1** không yêu cầu.

Anh **Nguyễn Văn Phi P1** cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh chị **Trương Thị Bích P** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị **Trương Thị Bích P** phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005160 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành

phố Hồng Ngự, chị **Trương Thị Bích P** không phải nộp thêm. Anh **Nguyễn Văn Phi P1** không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014) ”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thiện B – B

Phan Thị Mỹ D